



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG (SỐ 3)

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS (No. 3)

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 9 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thử nghiệm Điện – Điện tử
Laboratory: *Electrical - Electronic Testing Laboratory*

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: Trung tâm Chứng nhận phù hợp
Organization: *Vietnam Certification Centre (QUACERT)*

Số hiệu/ Code: VILAS 710

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Điện – Điện tử
Field: *Electrical – Electronic*

Người quản lý: Nguyễn Quế Sơn
Laboratory manager:

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Từ ngày /9/2026 đến ngày 08/01/2031

Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Hà Nội
Address: *No. 8 Hoang Quoc Viet street, Nghia Do ward, Hanoi*

Địa điểm: Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Hà Nội
Location: *No. 8 Hoang Quoc Viet street, Nghia Do ward, Hanoi*

Điện thoại/ Tel: (84-24) 3756 1025

Email: quacert@quacert.gov.vn

Website: www.quacert.gov.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG (SỐ 3)*LIST OF ACCREDITED TESTS (No. 3)***VILAS 710****Phòng thử nghiệm Điện – Điện tử/ *Electrical - Electronic Testing Laboratory*****Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử***Field of testing: Electrical - Electronic*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Cell lithium, Pin lithium <i>Lithium cell, Lithium battery</i>	Thử ngắn mạch <i>Short circuit test</i>	0,1 Ω	(a) UL 1642, Edition 6, 2022
2.		Thử thay đổi bất thường <i>Abnormal changing test</i>	đến/ to 150 V; 300 A; 10 kW	
3.		Thử phóng điện cưỡng bức <i>Forced - discharge test</i>		
4.		Thử ép <i>Crush test</i>	đến/ to 13 kN	
5.		Thử va đập <i>Impact test</i>	đến/ to 1 m	
6.		Thử xóc <i>Shock test</i>	đến/ to 175 g đến/ to 91 kg	
7.		Thử rung <i>Vibration test</i>	Đến/ to 55 Hz, 60 kg (bàn thử đứng/ <i>Vertical test table</i>) Đến/ to 55 Hz; 200 kg (bàn thử ngang/ <i>Horizontal test table</i>)	
8.		Thử nhiệt <i>Heating test</i>	(- 40 ~ 150) °C	
9.		Thử chu kì nhiệt <i>Temperature cycling test</i>	(- 40 ~ 150) °C	
10.		Thử áp suất thấp (mô phỏng theo độ cao) <i>Low pressure test (altitude simulation)</i>	Tại/ At 11,6 kPa	
11.		Kiểm tra nhãn <i>Check Marking</i>	--	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG (SỐ 3)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No. 3)

VILAS 710

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
12.	Ắc quy sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện <i>Batteries used for electric motorcycles, electric mopeds</i>	Kiểm tra Yêu cầu chung bằng phương pháp ngoại quan: - Kiểm tra các ký hiệu: điện cực, điện áp danh định, dung lượng danh, ký hiệu đối với ắc quy điện áp cao - Kiểm tra vỏ và các bộ phận <i>Visual check general requirements:</i> - Check the symbols: electrodes, nominal voltage, nominal capacity, symbols for high-voltage batteries - Check case and parts	--	(b) QCVN 31:2026/BXD
13.		Đo điện áp <i>Measurement of Voltage</i>	--	
14.		Xác định dung lượng (C3) <i>Determination of capacity (C3)</i>	--	
15.		Thử nạp điện quá mức <i>Overcharging test</i>	--	
16.		Thử phóng điện quá mức <i>Overdischarging test</i>	--	
17.		Thử phóng điện với dòng điện lớn (chỉ áp dụng đối với ắc quy chì axit) <i>High current discharge test (applies only to lead-acid batteries)</i>	--	
18.		Thử khả năng chịu rung <i>Vibration resistance test</i>	Đến/ to 200 Hz, 60 kg (bàn thử đứng/ <i>Vertical test table</i>) Đến/ to 200 Hz; 200 kg (bàn thử ngang/ <i>Horizontal test table</i>)	
19.		Thử ngắn mạch (không áp dụng đối với ắc quy chì axit) <i>Short circuit test (not applicable to lead-acid batteries)</i>	--	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG (SỐ 3)*LIST OF ACCREDITED TESTS (No. 3)***VILAS 710**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
20.	Ắc quy sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện <i>Batteries used for electric motorcycles, electric mopeds</i>	Thử ngâm nước (không áp dụng đối với ắc quy chì axit) <i>Water immersion test (not applicable to leaded-acid batteries)</i>	--	(b) QCVN 31:2026/BXD
21.		Thử thả rơi (không áp dụng đối với ắc quy chì axit; chỉ áp dụng đối với ắc quy tháo rời) <i>Drop test (Not applicable to lead-acid batteries; only applicable to removable batteries)</i>	Đến/ to 1 m	
22.	Sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED <i>LED lighting products</i>	Xác định mức nguy hiểm ánh sáng xanh <i>Assessment of blue light hazard</i>	(380 ~ 780) nm	(b) TCVN 13079-1:2020 IEC 62471:2006 và/ and TCVN 13080:2020

Chú thích/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam Standard*.

- QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam/ *Viet Nam technical regulation*

- IEC: Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế/ *International Electrotechnical Commission*

(a): Phép thử cập nhật phương pháp thử trong danh mục phép thử của quyết định số 327/QĐ-VPCNCL ngày 06/02/2026)/ *Update method version tests in list of accredited test of accreditation decision no. 327/QĐ-VPCNCL dated 06/02/2026)*

(b): Phép thử mở rộng tháng 09.2026/ *Extend tests September 2026*

Trường hợp Trung tâm Chứng nhận phù hợp cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Chứng nhận phù hợp phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Vietnam Certification Centre (QUACERT) that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

